

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04- 4 - 2018

Vụ án: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Ngọc Thương

-Thư ký phiên tòa : Bà Bùi Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1134/2017/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXX – ST ngày 15/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1987 (có mặt)

HKTT và nơi cư trú: 182/01/8 đường C, Phường N, Tp. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm: 1987 (có mặt)

HKTT: 268 đường C, Phường N, Tp. V, T.Bà Rịa-Vũng Tàu

Nơi cư trú: Đường B, P 10, Tp. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa, chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Trần Trung T kết hôn vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố V. Ngay sau khi kết hôn thì vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T lười lao động,

không lo làm ăn, không chăm sóc và thương yêu vợ con. Chị cũng đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị cho rằng không còn tình cảm với anh T nữa, nếu kéo dài cuộc hôn nhân cũng không thể đem lại hạnh phúc cho chị, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trung T

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Bảo M, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014. Chị yêu cầu được nuôi cháu M và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 5.000.000đ

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2] Bị đơn, anh Trần Trung T trình bày:

Về điều kiện kết hôn đúng như lời chị L trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng cũng đúng như lời chị L trình bày. Vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau vì anh làm ăn thua lỗ nên không có tiền phụ với chị L để nuôi con. Anh T cho rằng mặc dù vậy nhưng vợ chồng anh chị vẫn sống hạnh phúc nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng như lời chị L trình bày. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết

[3] Theo xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị Trần Thị Mỹ L và anh Trần Trung T có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn mà còn vay nợ bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã từ nhiều năm nay. Chị L và anh T có 01 con chung là do chị L trực tiếp chăm sóc, đưa đón đi học và đóng tiền học hàng tháng.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 51 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại Tòa, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L; về con chung đề nghị giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ nên đề nghị ghi nhận; tài sản chung, nợ chung nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ L có đơn khởi kiện “Yêu cầu ly hôn” với anh Trần Trung T, anh T có nơi cư trú tại địa chỉ: Đường B, P 10, Tp. V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Trần Trung T có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đề ngày 23/9/2013 mà chị L xuất trình nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của chị L và anh T là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật.

Theo chị Trần Thị Mỹ L thì thời gian đầu sau khi kết hôn thì chị và anh Trần Trung T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không lo làm ăn, không chăm sóc, thương yêu vợ con. Anh T cũng xác nhận là vợ chồng anh mâu thuẫn về kinh tế, vì anh không có công việc làm nên không có thu nhập để phụ chị L nuôi con. Theo xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị L, anh T chung sống cũng thể hiện anh T không lo làm ăn, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Lời khai của chị L phù hợp với lời khai của anh T và xác minh của Tòa, do đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa chị L và anh T là có thật. Nay chị L xác nhận không còn tình cảm gì với anh T nữa nên yêu cầu ly hôn, trong khi đó anh T cho rằng vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, xét thấy sự mâu thuẫn tình cảm giữa chị L và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung với nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Trần Trung T có 01 con chung tên là Trần Bảo M, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014. Chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cháu M. Theo xác nhận của địa phương thì chị L là người trực tiếp nuôi cháu Minh. Xét thấy việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng nhằm bảo đảm sự phát triển về thể chất, tinh thần cho cháu. Hơn nữa cháu còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng: Khi khởi kiện chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 5.000.000đ, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ngày hôm nay chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu M, tuy nhiên anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 4.000.000đ nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Trần Trung T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí HNST: Chị Trần Thị Mỹ L phải nộp theo quy định.

Án phí CDDK: Anh Trần Trung T phải nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

T xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L về việc “Ly hôn”

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trần Trung T;

- Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Trần Trung T có 01 con chung tên là Trần Bảo M, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014. Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng;

Anh Trần Trung T cấp dưỡng nuôi cháu Trần Bảo M mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) từ khi án có hiệu lực cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Tính từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Trần Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Trần Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNST: Chị Trần Thị Mỹ L nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên

lai số 0009811 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Vũng Tàu; chị L đã nộp xong án phí.

- Về án phí CDDK: Anh Trần Trung T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày T án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND TP-VT;
-Thi hành án dân sự;
-Các đương sự;
-UBND P. N, Tp V;
-Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mai